



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

Ngày 30/09/2025	14,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.8%	5.2%	5.2%

DT thuần Q3/25
62.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80 2.9%
YoY: ▲ 0.60 0.9%

LN thuần Q3/25
4.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.95 -30.2%
YoY: ▼1.43 -24.1%

LN sau thuế Q3/25
3.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.74 -32.5%
YoY: ▼1.13 -23.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
7.3%
YoY: +/- ▼ 3.4%

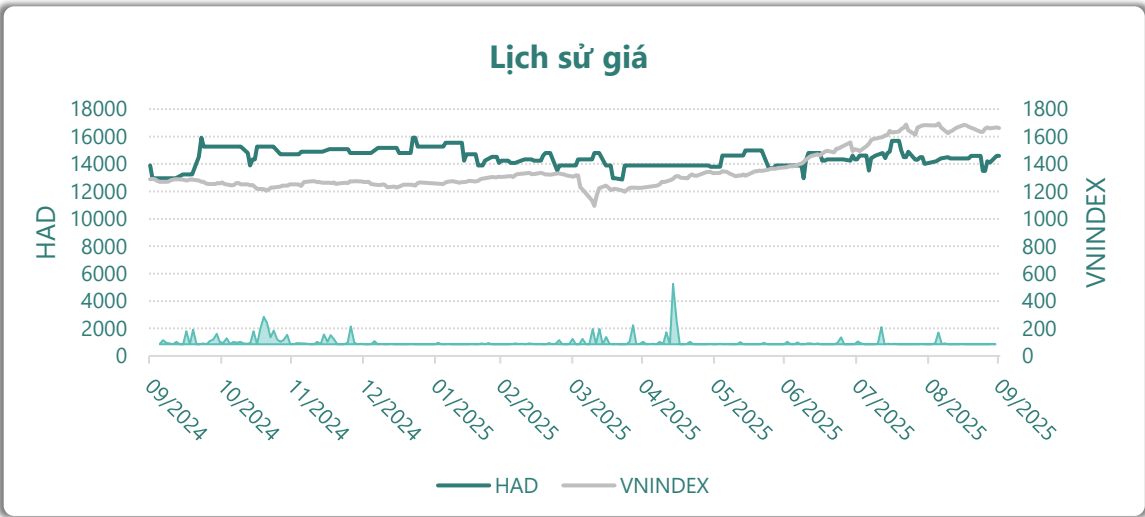
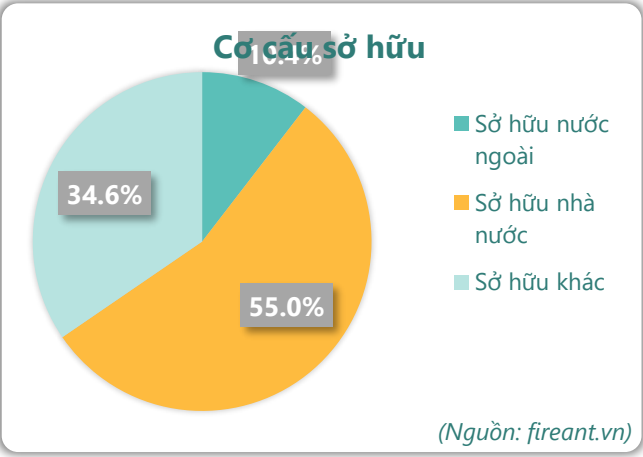
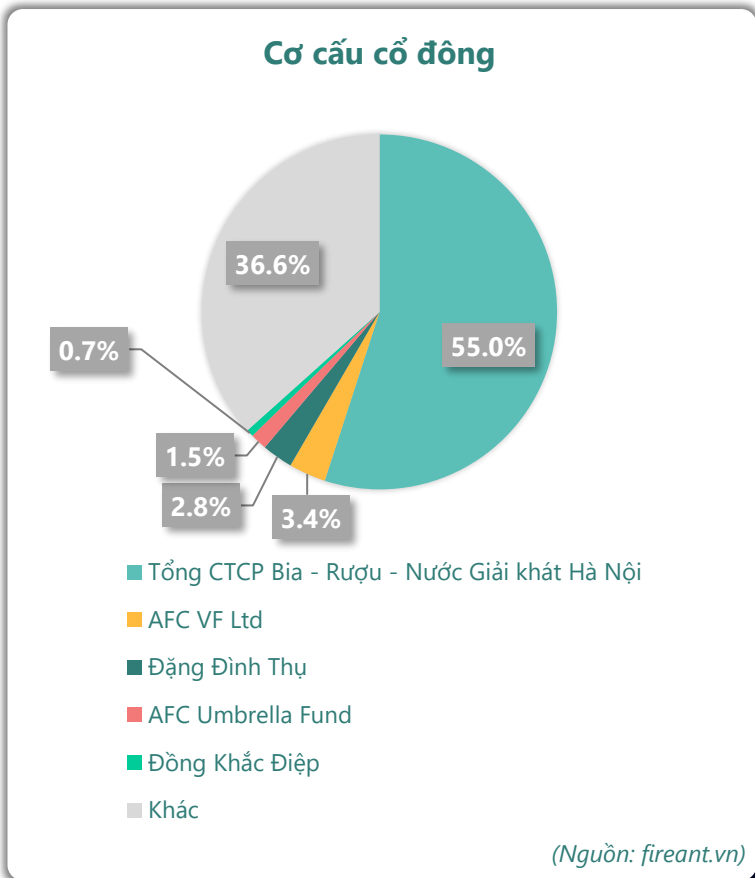
ROE (TTM) Q3/25
7.7%
YoY: +/- ▼ 1.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,864 - 15,918
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,250
Sở hữu nước ngoài	10.4%
Beta	(0.12)
EPS	1,453
P/E	10.1

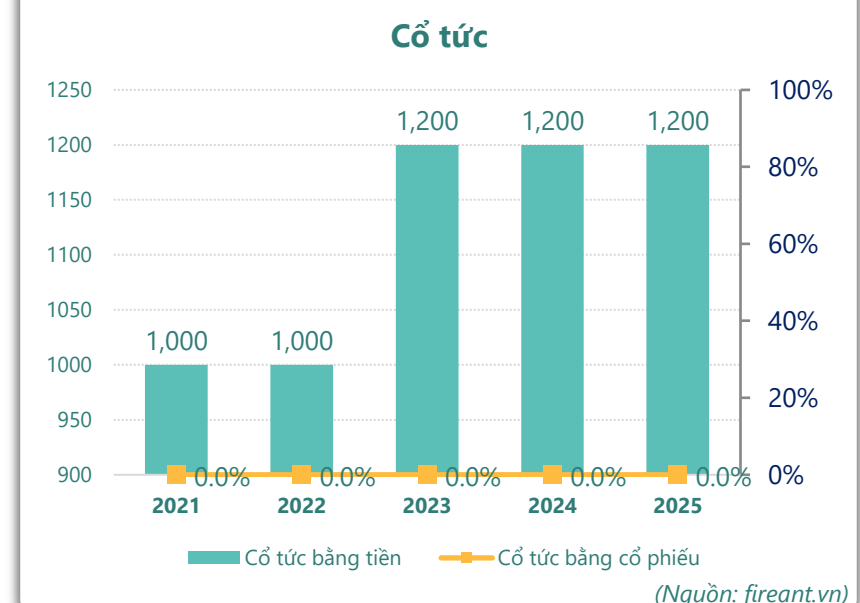
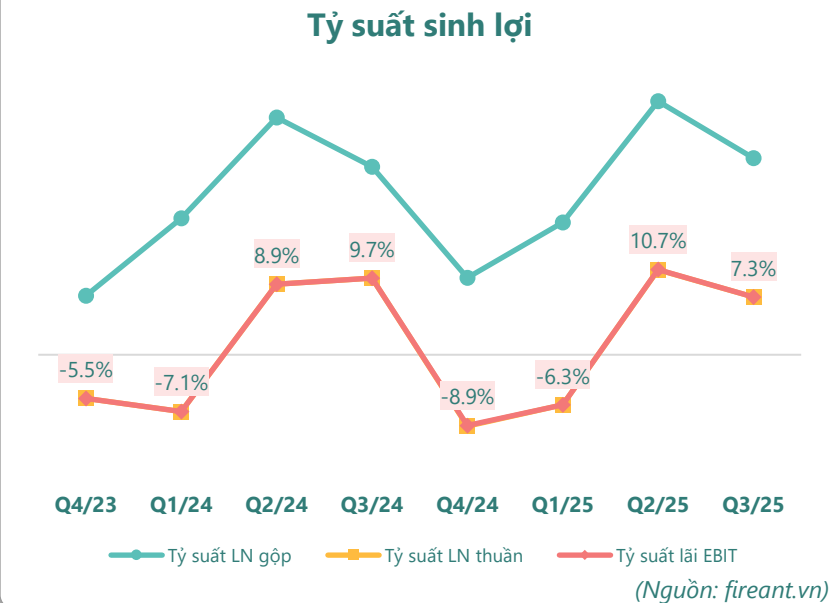
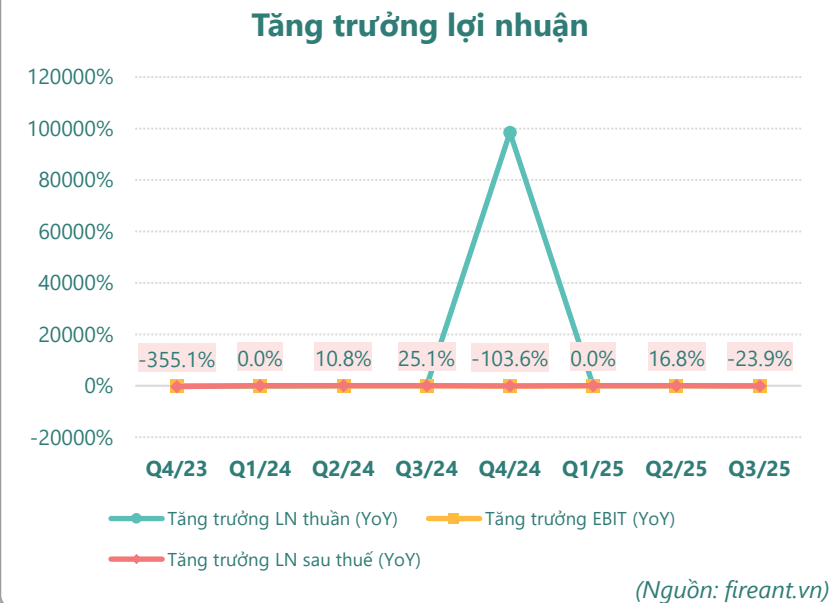
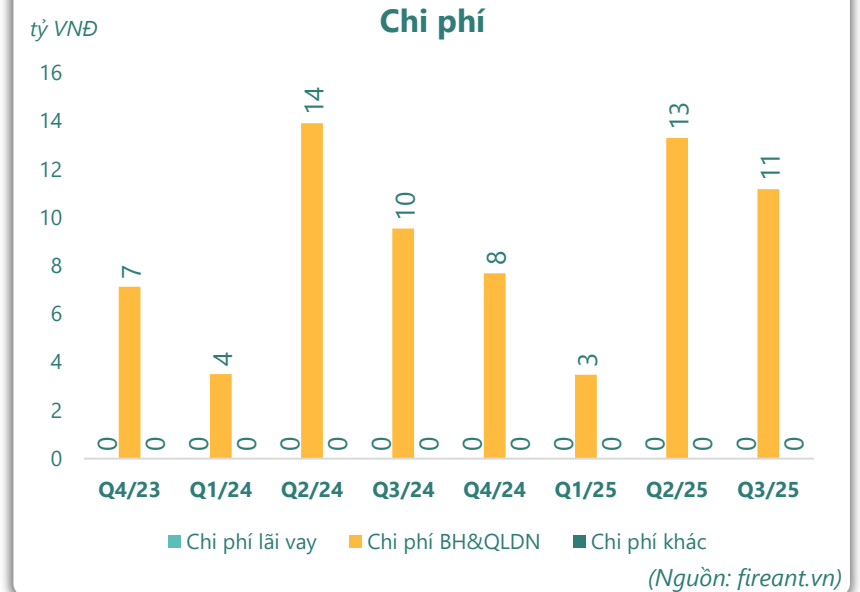
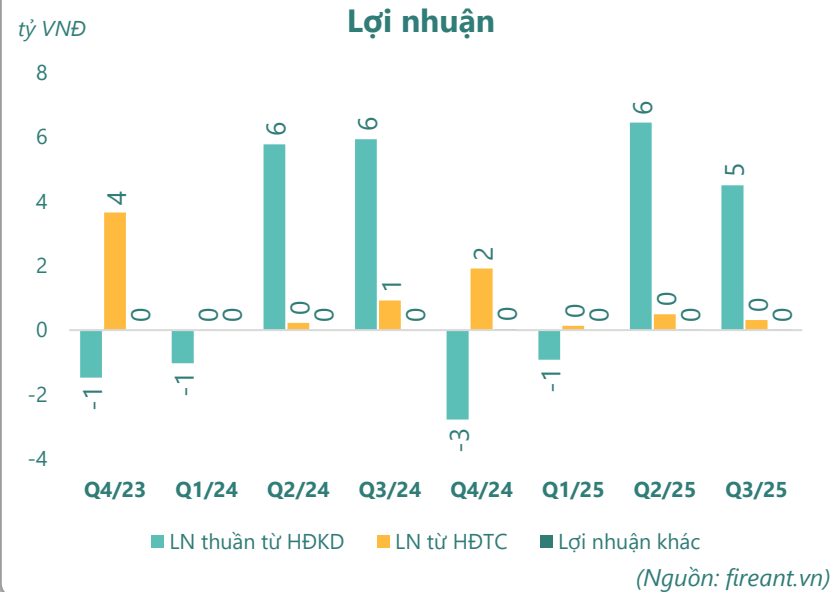
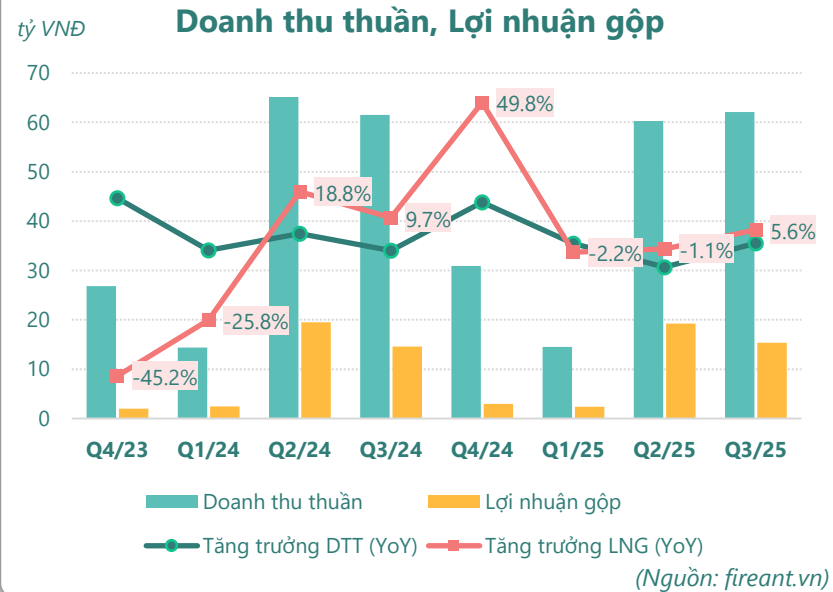
DT thuần 9T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00 -2.9%

LN thuần 9T 2025
10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70 -6.1%

LN sau thuế 9T 2025
8.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.50 -5.8%



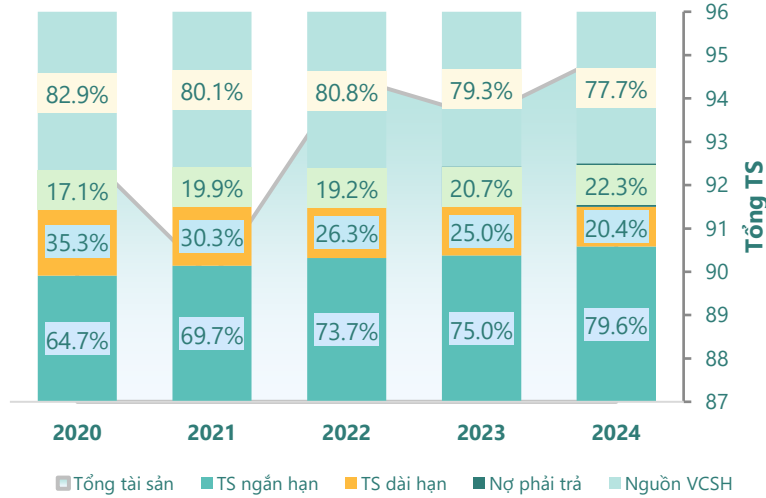
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

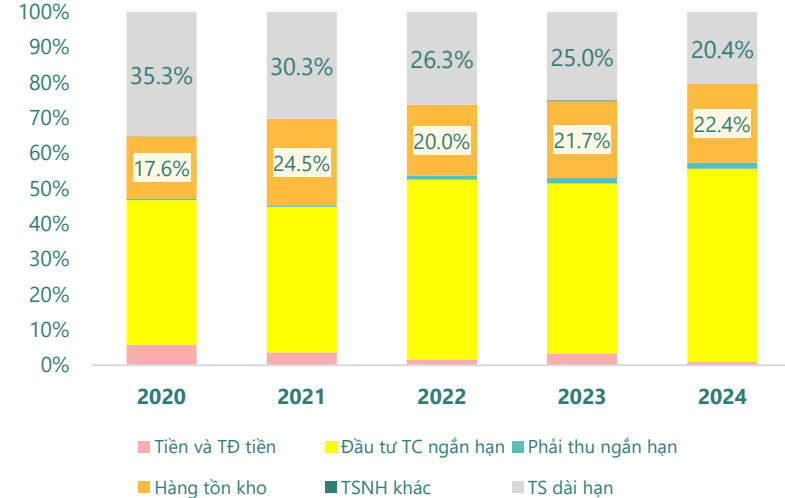
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

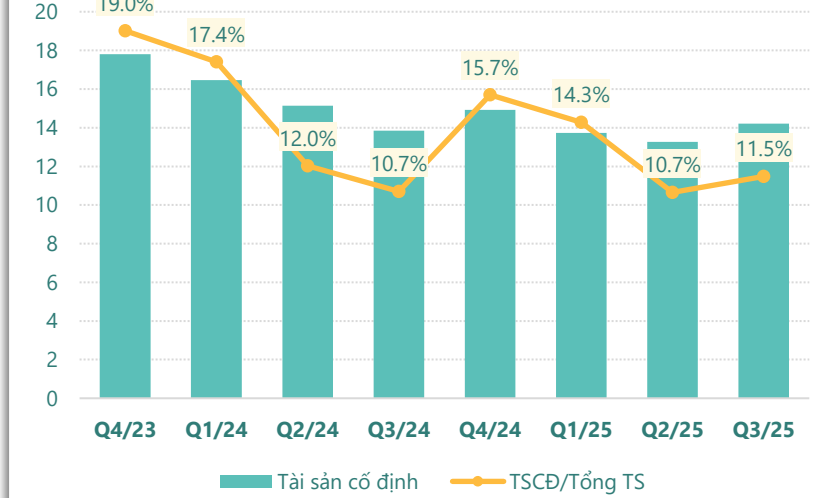
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

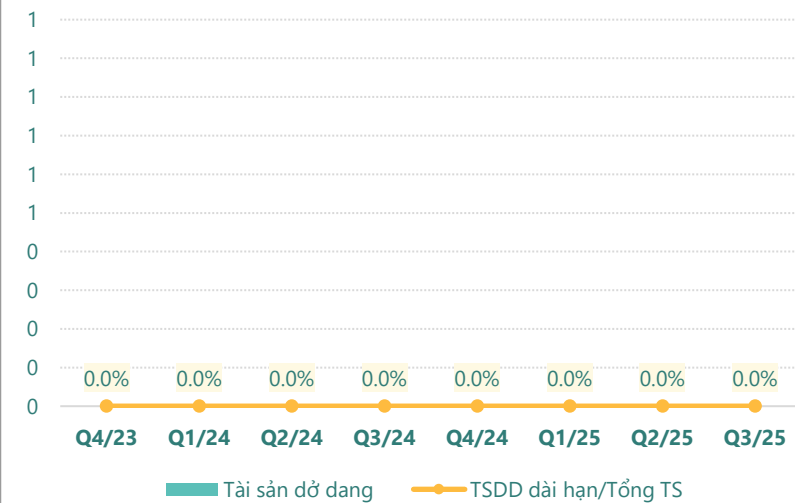
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

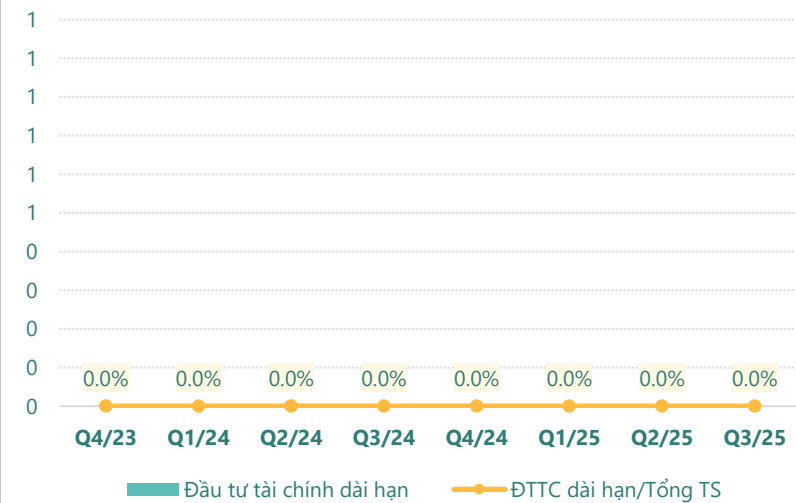
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

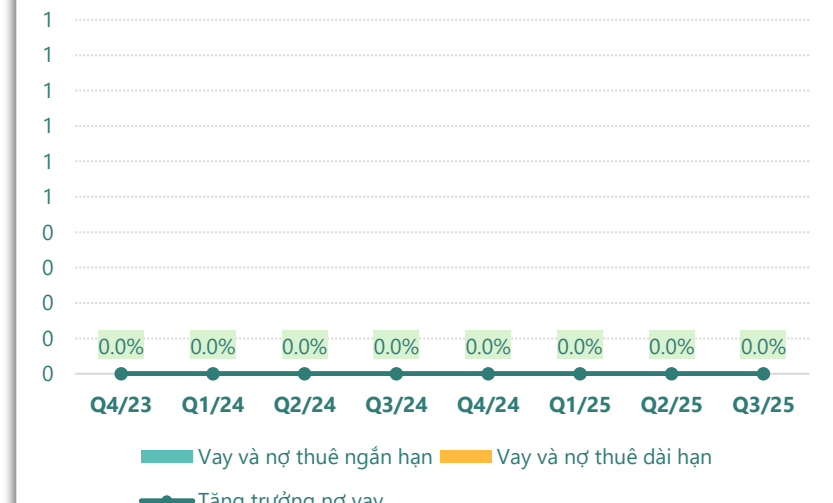
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

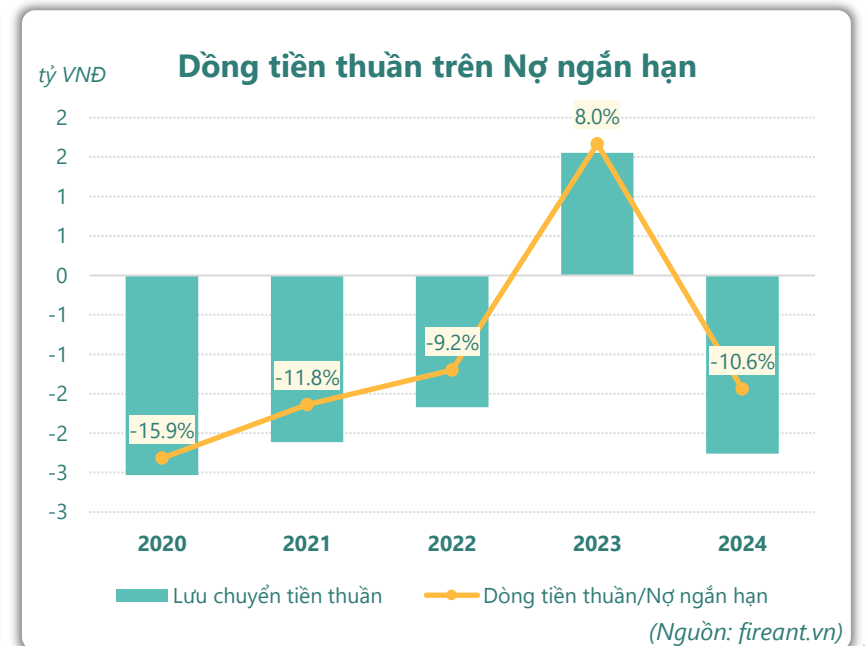
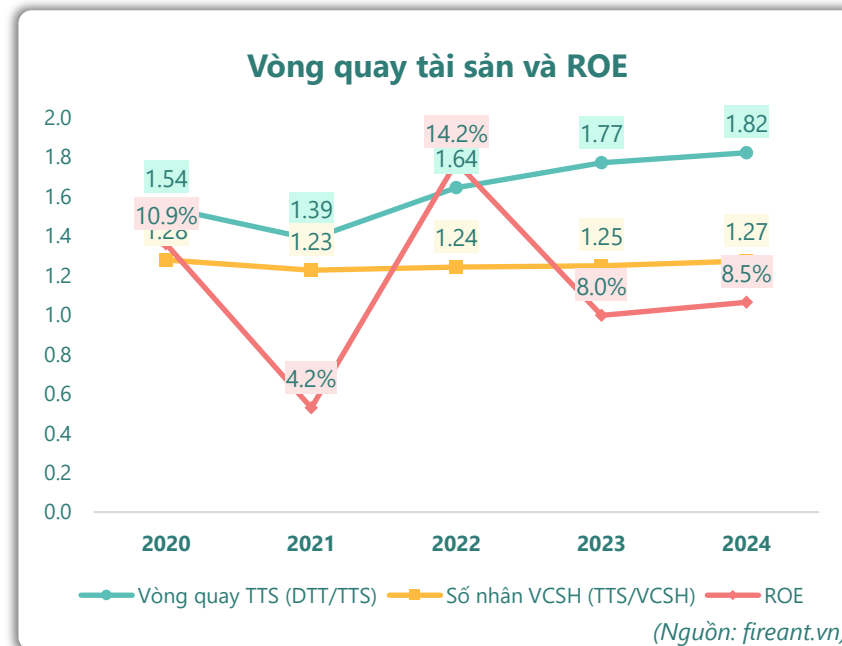
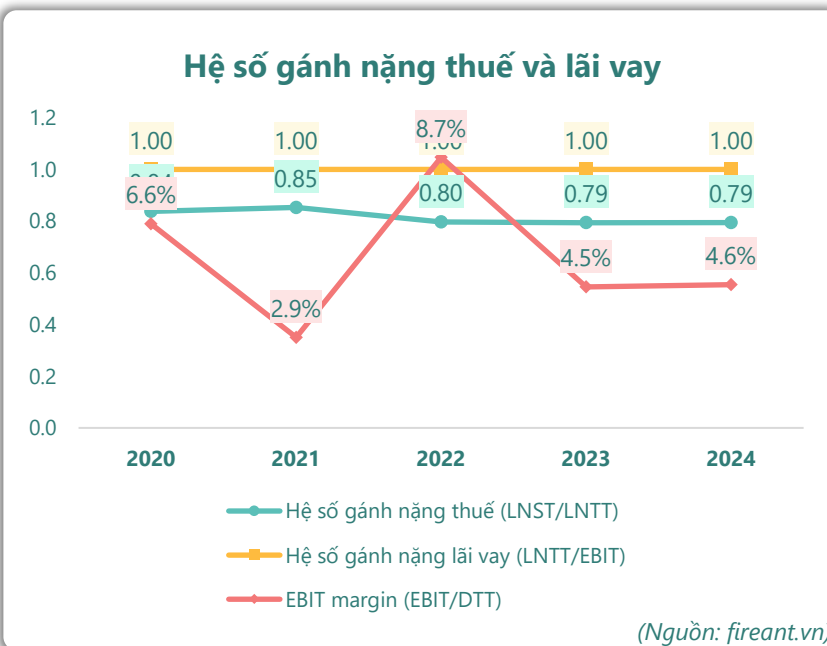
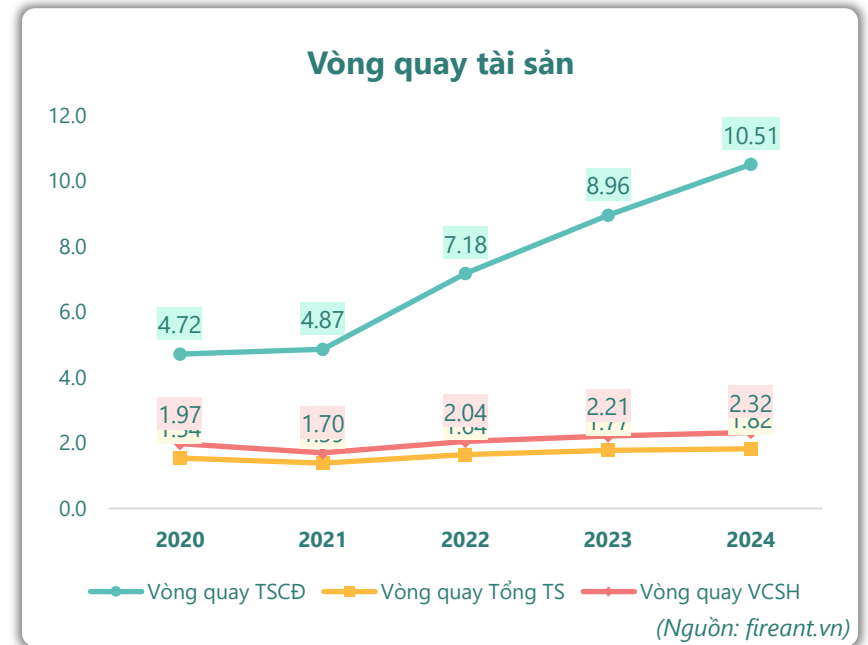
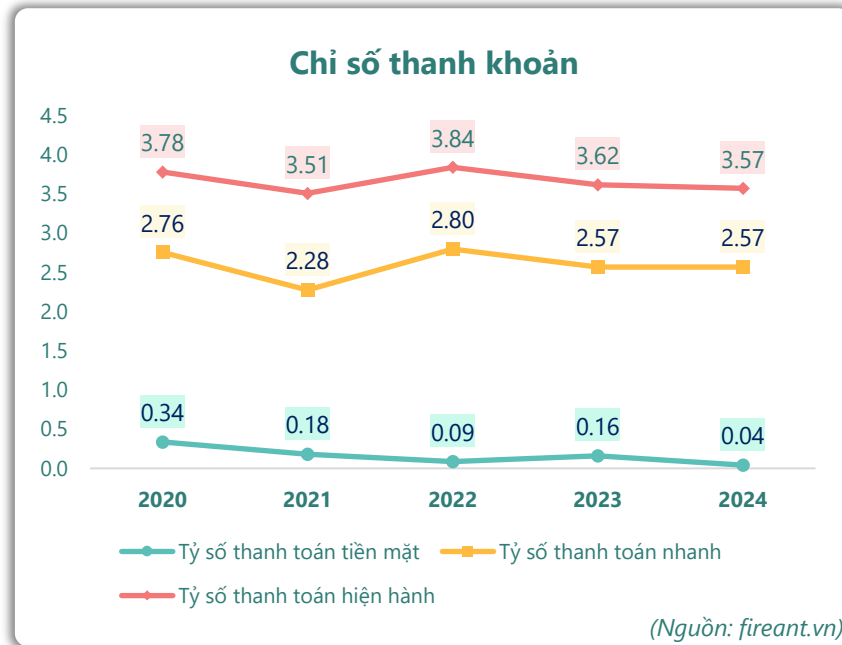
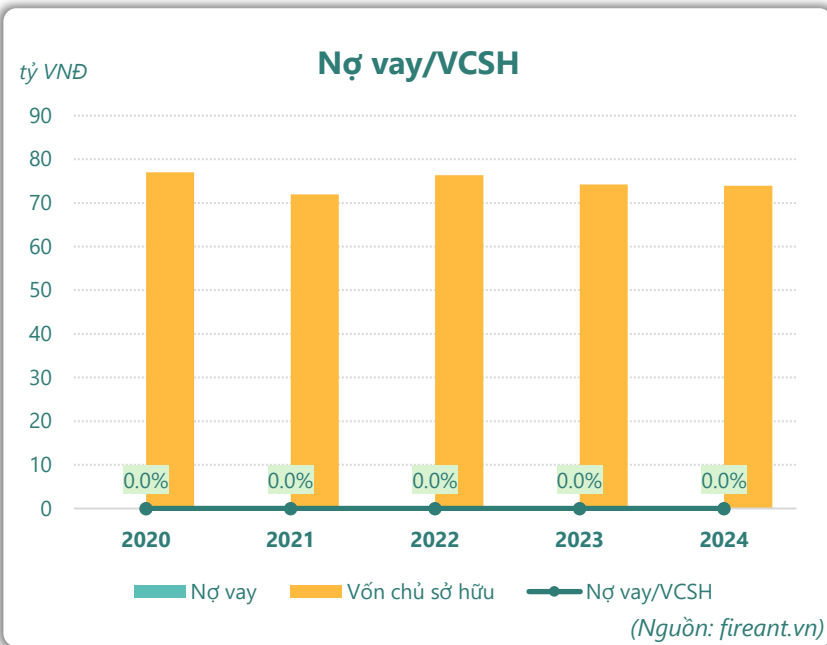
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.1	61.5	0.9%	137	141	-2.9%
Giá vốn hàng bán	46.7	46.9	-0.4%	99.8	105	-4.5%
Lợi nhuận gộp	15.4	14.6	5.4%	37.1	36.5	1.5%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.92	-66.3%	0.94	1.14	-17.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.18	6.35	28.8%	18.5	17.3	7.0%
Chi phí QLDN	3.01	3.20	-6.0%	9.44	9.65	-2.1%
LN thuần từ HĐKD	4.51	5.94	-24.1%	10.0	10.7	-6.1%
Lợi nhuận khác	0.01	0.00		0.03	0	
LN trước thuế	4.52	5.94	-23.9%	10.1	10.7	-5.8%
Lợi nhuận sau thuế	3.62	4.75	-23.8%	8.06	8.56	-5.8%
LNST của CĐ cty mẹ	3.62	4.75	-23.8%	8.06	8.56	-5.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.6	12.9	-30.0	-4.40	24.5	7.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.2	-4.67	19.6	11.1	-23.1	-7.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-4.71	-0.08	0	0	-4.71
Tiền đầu kỳ	10.4	7.77	11.3	0.87	7.61	8.97
Lưu chuyển tiền thuần	-2.60	3.54	-10.4	6.73	1.36	-5.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.77	11.3	0.87	7.61	8.97	3.95

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	124	95.1	30.1%
Tài sản ngắn hạn	102	75.7	34.6%
Tiền và tương đương tiền	3.95	0.87	352%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	52.0	34.6%
Phải thu ngắn hạn	2.50	1.59	56.8%
Hàng tồn kho	25.5	21.3	20.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	21.8	19.4	12.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.2	14.9	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.59	4.44	71.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.3	21.2	128%
Nợ ngắn hạn	48.3	21.2	128%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.47	1.54	-4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	75.5	73.9	2.2%
Vốn chủ sở hữu	75.5	73.9	2.2%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

